

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Tờ trình số .../TTTr-DHĐCĐ, ngày tháng năm 2022)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là phần **màu đỏ, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
<p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty, là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ An và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Lược bỏ để phù hợp với thực tế</p>
<p>Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 04 năm 2016.</p>	<p>Điều lệ được thông qua và ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số ngày tháng năm 2022.</p>	<p>Chỉnh sửa, cập nhật phù hợp với thực tế.</p>
<p>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p>	<p>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p>	
<p>Điều 1: Định nghĩa</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p>	
<p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:</p>	<p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:</p>	
<p>b. "Địa bàn Kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.</p>	<p>a. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
c. "Vốn Điều lệ" <u>có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.</u>	b. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;	Sửa đổi theo khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
d. "Luật Doanh nghiệp" <u>có nghĩa là Luật Doanh nghiệp hiện hành.</u>	c. " Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	Cập nhật định nghĩa theo Pháp luật hiện hành
Không có	d. " Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019.	Bổ sung định nghĩa Luật Chứng khoán
e. "Ngày Thành lập" <u>có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</u>	e. "Ngày thành lập" là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu	Sửa phù hợp với hướng dẫn tại điểm e khoản 1 Điều 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
g. "Luật" có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp quy khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm.	Bỏ	
h. " Cán bộ quản lý" có nghĩa là Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng, và các cán bộ khác	g. " Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành	Sửa đổi, bổ sung khái niệm "cán bộ

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<u>được Hội đồng quản trị chỉ định làm Cán bộ quản lý của Công ty.</u>	viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, một số vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;	quản lý” thành “Người quản lý doanh nghiệp” theo khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
Không có	h. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng; và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;	Bổ sung định nghĩa theo Điều 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
i. "Những người liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.	i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Sửa đổi định nghĩa theo khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán
j. "Cổ đông" có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.	j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.	Sửa đổi định nghĩa tham chiếu theo Khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
Không có	k. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.	Bổ sung theo Khoản 4 Điều 4

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Luật Doanh nghiệp
<p><u>k. "Thời hạn" có nghĩa là thời hạn ban đầu</u> của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và <u>mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>m. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết</p>	Sửa đổi theo Điểm n Khoản 1 Điều 1 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020
	<p>n. "Tổ chức kiểm toán được chấp thuận" là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về kiểm toán độc lập.</p>	Bổ sung theo Khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán
<p>m. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p>	<p>o. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p>	Cập nhật TT
<p>2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.</p>	<p>2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.</p>	
<p>a. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.</p>	<p>a. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.</p>	
<p>b. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	<p>b. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	
Điều 2: Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	
1. Tên của Công ty bằng tiếng Việt là "Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh." Tên giao dịch của Công ty bằng tiếng Anh là "Saigon – Nghe Tinh Beer Joint Stock Company." Tên viết tắt là SNB.	1. Tên của Công ty bằng tiếng Việt là "Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh." Tên giao dịch của Công ty bằng tiếng Anh là "Saigon – Nghe Tinh Beer Joint Stock Company." Tên viết tắt là SNB.	
2. Công ty là một công ty cổ phần <u>có trách nhiệm hữu hạn và có tư cách pháp nhân độc lập phù hợp với Pháp luật Việt Nam.</u>	2. Công ty là công ty cổ phần <u>có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam</u>	Chỉnh sửa theo Khoản 2 Điều 2 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020
3. Trụ sở đăng ký chính của Công ty: Địa chỉ: 54 Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Điện thoại: 038.824168, Fax: 038.833879. E-mail:	3. Trụ sở đăng ký chính của công ty: Địa chỉ: 54 Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Điện thoại: 038.824168, Fax: 038.833879. E-mail: Website: http://www.vidabeer.vn/	Cập nhật thông tin
4. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.	4. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.	
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn Kinh doanh để thực hiện các	5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn Kinh doanh để thực hiện các mục tiêu	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.</p>	<p>của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.</p>	
<p>6. <u>Tại thời điểm thành lập, Công ty có các Nhà máy sản xuất:</u> <u>Nhà máy Bia Sài Gòn - Nghệ An.</u> <u>Địa chỉ: 54 Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.</u> <u>Điện thoại: 038.824 168, Fax: 038.833 879.</u> <u>Nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh.</u> <u>Địa chỉ: 173 Hà Huy Tập, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.</u> <u>Điện thoại: 039.881 232, Fax: 039 881 185</u> <u>Các Nhà máy Bia Sài Gòn - Nghệ An và Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh là các đơn vị phụ thuộc hạch toán đầy đủ (có tài khoản, mã số thuế, con dấu riêng). Nhà máy Bia Sài Gòn - Nghệ An được sử dụng con dấu, tài khoản, mã số thuế của Công ty để phục vụ hoạt động của Nhà máy</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ nội dung này do đây là nội dung khi công ty mới thành lập.</p>
<p>7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>Điều 44 của Điều lệ này, Thời hạn</u> của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày Thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>Điều 56 của Điều lệ này, Thời hạn hoạt động</u> của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày Thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu quy định tại Điều lệ này</p>
<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>	<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi															
Điều 3: Mục tiêu của Công ty	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của công ty	Điều chỉnh cách diễn đạt															
<p>1. Mục tiêu của Công ty là Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.</p>	<p>1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.</p>	Điều chỉnh cách diễn đạt															
<p>2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát; - Gia công và sản xuất các phụ tùng, thiết bị phục vụ cho ngành bia và nước giải khát; - Lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia. - Kinh doanh khách sạn, du lịch, văn phòng cho thuê, dịch vụ. - Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật. 	<p>2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <table border="1" data-bbox="943 826 1727 1370"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 826 1025 874">Stt</th> <th data-bbox="1025 826 1554 874">Tên ngành</th> <th data-bbox="1554 826 1727 874">Mã ngành</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 874 1025 975">1</td> <td data-bbox="1025 874 1554 975">Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia</td> <td data-bbox="1554 874 1727 975">1103 (Chính)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 975 1025 1123">2</td> <td data-bbox="1025 975 1554 1123">Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất cồn, rượu.</td> <td data-bbox="1554 975 1727 1123">1101</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1123 1025 1272">3</td> <td data-bbox="1025 1123 1554 1272">Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát</td> <td data-bbox="1554 1123 1727 1272">1104</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1272 1025 1370">4</td> <td data-bbox="1025 1272 1554 1370">Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</td> <td data-bbox="1554 1272 1727 1370">3290</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Tên ngành	Mã ngành	1	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103 (Chính)	2	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất cồn, rượu.	1101	3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát	1104	4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290	Cập nhật thông tin ngành nghề kinh doanh theo GĐKKD hiện tại
Stt	Tên ngành	Mã ngành															
1	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103 (Chính)															
2	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất cồn, rượu.	1101															
3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát	1104															
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290															

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi		Lý do sửa đổi
		Chi tiết: Gia công và sản xuất các loại phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất bia và nước giải khát.	
	5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất bia và nước giải khát	4659
	6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất bia và nước giải khát	3320
	7	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán các sản phẩm bia, cồn, rượu, nước giải khát	4633
	8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510
	9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán ật tư, nguyên liệu sản xuất bia và nước giải khát	4669

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi			Lý do sửa đổi
	10	Kinh doanh bất động sản, quy sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng	6810	
	11	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất bia, nước giải khát	7490	
	12	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920	
	13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	
Điều 4: Phạm vi Kinh doanh và Hoạt động	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động			
<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này và thực hiện các biện pháp thích hợp khác để đạt được (các) mục tiêu của Công ty.</u> Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được Pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.</p>	<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này; phù hợp với quy định của Pháp luật. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được Pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.</p>			<p>Bổ sung, thay đổi phù hợp với quy định cụ thể theo hướng dẫn tại Điều 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>2. Quan hệ với Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn</p> <p>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh là công ty con của Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn. Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn chi phối hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con; - Giữ giữ cổ phần chi phối và thương hiệu Bia Sài Gòn; - Định hướng phát triển; - Tiêu thụ sản phẩm. 	<p>2. Quan hệ với Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn</p> <p>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh là công ty con của Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn. Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn chi phối hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con; - Giữ giữ cổ phần chi phối và thương hiệu Bia Sài Gòn; - Định hướng phát triển; - Tiêu thụ sản phẩm. 	
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	
Điều 5: Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đông Sáng lập	Điều 5. Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đông Sáng lập	
<p>1. <u>Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành tại thời điểm thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.</u></p>	Bỏ	Trùng lặp với nội dung bổ sung tại Khoản 3 Điều 5 Điều lệ sửa đổi
<p>2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 105.000.000.000 đồng (một trăm lẻ năm tỷ đồng). Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty</p>	<p>1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 105.000.000.000 đồng (một trăm lẻ năm tỷ đồng). Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được thành</p>	Cập nhật STT

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
được chia thành 10.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	10.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần	
3. Công ty chỉ có thể tăng Vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.	2. Công ty có thể thay đổi vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật	Cập nhật STT Điều chỉnh cách diễn đạt. (Khoản 2, Điều 6, phụ lục I ban hành kèm TT116/2020/TT-BTC)
Không có	3. Tất cả các cổ phần của công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này.	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 6 Phụ lục ban hành kèm theo TT116/2020/TT-BTC
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.	4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.	
5. <u>Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.</u>	Bỏ	Điều chỉnh phù hợp với Khoản 3 Điều 124 và Khoản

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		1,4 Điều 123 Luật DN 2020
<p>6. Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p>	<p>5. Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này</p>	
<p>7. Cổ phần phổ thông <u>mới dự kiến được phát hành sẽ</u> được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. <u>Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một ngày), để cổ đông đặt mua.</u> Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối <u>các</u> cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, <u>trừ phi các cổ đông chấp thuận khác</u></p>	<p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh cách diễn đạt phù hợp. - Sửa phù hợp với Luật doanh nghiệp và Khoản 5 Điều 6 Phụ lục ban hành kèm theo TT116/2020/TT-BTC. - Sửa đổi do trên thực tế không có TH cổ phiếu không chào bán hết thì được phân phối lại trên sàn giao dịch hoặc thông qua đấu giá.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<u>hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.</u>		
8. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã <u>cho phép</u> theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông <u>cho phép</u> và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	7. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã chấp thuận theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Điều chỉnh cách diễn đạt
9. Công ty có thể phát hành các loại Chứng khoán khác <u>khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và phù hợp với</u> quy định của Pháp luật.	8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Sửa phù hợp với Quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán
Điều 6: Cổ phiếu	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	Sửa đổi điều mục theo Điều 7 Phụ lục ban hành kèm theo TT116/2020/TT-BTC

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>1. Cổ đông của Cty CP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. <u>Chứng nhận Cổ phiếu phải đóng dấu của Công ty CP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh và chữ ký của Đại diện pháp luật của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phần phải ghi rõ số lượng, loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác.</u></p>	<p>1. Cổ đông của CTCP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh được cấp cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>-Sửa theo khoản 2 Điều 4 Luật Chứng khoán</p> <p>-Dẫn chiếu đến quy định đầy đủ tại Luật Doanh nghiệp</p>
<p>2. <u>Các nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Lược bỏ do trùng lặp nội dung đã có tại khoản 1 Điều 121 Luật DN 2020</p>
<p>3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu <u>nó</u> không bị ảnh hưởng. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty phải liên đới</u> chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.</p>	<p>2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.</p>	<p>- Cập nhật STT</p> <p>- Điều chỉnh cách diễn đạt</p> <p>- Sửa đổi dựa theo Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>4. <u>Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và phải trả phí theo quy định của Công ty.</u></p> <p><u>Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu huỷ;</u> - <u>Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</u> 	<p>3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác và bằng chứng về việc sở hữu cổ phần;</p> <p>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật STT - Sửa đổi theo Luật doanh nghiệp 2020
<p><u>Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, công ty có thể yêu cầu cổ đông đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</u></p>	<p>Bỏ</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Không có	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 8 Phụ lục ban hành kèm theo TT116/2020/TT-BTC</p>
Điều 7: Chào bán và Chuyển nhượng Cổ phần	Điều 8. Chuyển nhượng Cổ phần	<p>Sửa đổi theo Điều 9 Phụ lục ban hành kèm TT116/2020/TT-BTC;</p> <p>Cập nhật STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;</u> - <u>Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu từ 2% tổng giá trị cổ phiếu chào bán trở lên phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u> 	Bỏ	Bỏ quy định về chào bán trong Điều lệ
<p>2. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì thực hiện theo quy định của Điều 122 đến Điều 126 của Luật Doanh nghiệp.</p>	Bỏ	Bỏ quy định về chào bán trong Điều lệ

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>3. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật pháp có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p>	<p>1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật pháp có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p>	
<p>4. Trong thời hạn ba năm, kể từ Ngày Thành Lập, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty. Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.</p>	<p>2. Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.</p>	<p>- Sửa đổi dựa theo khoản 3 Điều 120 Luật DN 2020</p> <p>- Lược bỏ câu từ do thừa ý diễn đạt</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>5. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phần ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận và cũng có thể chỉ là trao tay. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ) bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>3. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phần ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận và cũng có thể chỉ là trao tay. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ) bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
6. <u>Công ty hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.</u>	Bỏ	
7. Trong trường hợp <u>một cổ đông bị chết, những người thừa kế theo di chúc hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải toả tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.</u>	4. Trong Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.	Chỉnh sửa theo Khoản 3, 4 Điều 127 Luật Doanh nghiệp
8. Không có	5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.	Bổ sung theo Khoản 5,6 Điều 127 Luật doanh nghiệp
Điều 8: Thu hồi và mua lại Cổ phần	Điều 9. Thu hồi cổ phần	Sửa đổi phù hợp
1. <u>Nếu một</u> cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để <u>yêu cầu thanh</u>	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để <u>yêu cầu cổ đông đó thanh toán số</u>	Sửa đổi dựa theo Khoản 1 Điều 10 Phụ lục I ban hành kèm

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.</u></p>	<p>tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p>	<p>TT116/2020/TT-BTC</p>
<p>2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.</p>	<p>2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải ghi rõ rằng trong trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p>
<p>3. <u>Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo</u> vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các <u>khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan.</u> Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các nghĩa vụ tài chính có liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>4. <u>Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</u> Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.</p>	<p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 4 Điều 10 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>5. <u>Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn một năm của một ngân hàng thương mại bất kỳ do Hội đồng quản trị chọn) theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn</u></p>	<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi đương nhiên mất tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>Sửa đổi dựa theo Khoản 5 Điều 10 Phụ lục I ban hành kèm theo TT116/2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</u></p>		
<p>6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; <u>nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</u></p>	<p>6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p>
<p>7. <u>Mua lại cổ phần theo yêu cầu cổ đông:</u></p> <p>a) <u>Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại</u></p>	<p>Bỏ</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>hội đồng Cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tải khoản này.</u></p> <p>b) <u>Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại điểm a, khoản 7 nói trên với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định theo điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 3 thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và đó là quyết định cuối cùng.</u></p>		
<p>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</p>	<p>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</p>	
<p>Điều 9: Cơ cấu tổ chức quản lý</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông; - Hội đồng quản trị; - Ban Kiểm soát; - Giám đốc. 	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông; - Hội đồng quản trị; - Ban Kiểm soát; - Giám đốc. 	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 10: Quyền hạn của Cổ đông Công ty	Điều 11. Quyền của cổ đông	Chỉnh sửa điều mục theo Điều 12 Phụ lục ban hành kèm TT116/2020/TT-BTC
1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.	Bỏ	Đã được định nghĩa tại điểm j khoản 1, Điều 1
2. <u>Người nắm giữ cổ phần</u> phổ thông có các quyền sau:	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:	Điều chỉnh cách diễn đạt
a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	
b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
c) Được ưu tiên mua <u>cổ phần mới chào bán</u> tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;	c) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;	Sửa đổi theo Điểm c khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp
d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho <u>cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông</u> , trừ các trường hợp quy định tại <u>khoản 3,4 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ này;	d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác , trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;	- Điều chỉnh cách diễn đạt - Cập nhật dẫn chiếu Luật
e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;	Ghi nhận đúng với quy định của Luật DN (điểm đ, khoản 1, Điều 115).
f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	
g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn <u>lại sau khi thực hiện các nghĩa vụ theo Pháp luật hiện hành tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty</u> ;	g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ theo quy định pháp luật ;	- Sửa đổi dựa theo mục g khoản 1 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		- Điều chỉnh cách diễn đạt
Không có	h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung theo Điểm h khoản 1 Điều 12 Phụ lục I ban hành kèm TT116
Không có	i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	Bổ sung theo quy định Điểm i khoản 1 Điều 12 Phụ lục I ban hành kèm TT116
Không có	j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;	Bổ sung theo Điểm k khoản 1 Điều 12 Phụ lục I ban hành kèm TT116
Không có	k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung theo Điểm l khoản 1 Điều 12 Phụ lục I ban hành kèm TT116
h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Cập nhật STT;

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Sửa đổi dựa theo điểm I khoản 1 Điều 12 Phụ lục I ban hành kèm TT116
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</u> có các quyền sau đây:	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:	Điều 155 Luật Doanh nghiệp bỏ quy định về thời gian tối thiểu sở hữu cổ phần
a) <u>Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u>	Bỏ	Tăng tỷ lệ sở hữu từ 5% lên 10%
b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;	a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;	
c) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;	b) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;	
d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt	c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công	Sửa đổi dựa theo mục c) Khoản 2

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>động của công ty khi xét thấy cần thiết. <u>Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</u></p>	<p>ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>Điều 12 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	
<p>a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p>	<p>a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.</p>	<p>b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.</p>	
<p>Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải <u>có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;</u> số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	<p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	<p>Sửa đổi dựa theo Khoản 4 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>5. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:</p>	<p>4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:</p>	
<p>a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm <u>thoả mãn các điều kiện quy định</u> để đề cử người vào Hội</p>	<p>a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ</p>	<p>Sửa đổi dựa theo điểm a) Khoản 5 Điều 115 luật</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết <u>chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u></p>	<p>đồng dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>doanh nghiệp 2020</p>
<p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử.</u></p>	<p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 này Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>Sửa đổi dựa theo điểm b) Khoản 5 Điều 115 luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Không có</p>	<p>c) Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung dựa theo Khoản 6 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 11: Nghĩa vụ của các Cổ đông</p>	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của các cổ đông</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:	Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:	Điều chỉnh cách dẫn đạt
<p>a) <u>Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty và cung cấp thông tin liên lạc chính xác.</u></p>	<p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p>	<p>Sửa đổi dựa theo Khoản 1 Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Thống nhất STT</p>
<p>b) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này <u>thì thành viên Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị phải cùng liên đới</u> chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.</p>	<p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	<p>Sửa đổi dựa theo Khoản 2 Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Thống nhất STT</p>
<p>c) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.</p>	<p>3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.</p>	<p>Thống nhất STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
d) Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	Thống nhất STT
Không có	5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020
Không có	6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	Sửa theo Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020
e) <u>Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u>	Bỏ	Sắp xếp lại vị trí

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>f) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vi phạm pháp luật; - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty. 	<p>7. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a) Vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.</p>	<p>Thống nhất STT</p>
<p>Không có</p>	<p>8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 8</p>
<p>Mục e)</p>	<p>9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Sắp xếp lại vị trí</p>
<p>Điều 12: Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản</p>	<p>Sửa đổi cách diễn đạt và bổ sung quy định theo khoản 1 Điều 14 Phụ lục I ban hành kèm</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u></p>	<p>trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	<p>theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, phù hợp với khoản 1 Điều 138 và khoản 1, khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Nội dung này đã được ghi nhận trong khoản 1</p>
<p>Không có</p>	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng</p>	<p>Bổ sung khoản 2 Điều 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>	
<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; - Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10; - Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 tại Điều lệ này;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p> <p>Sửa điểm c theo Điểm b khoản 1 Điều 140 và Điểm a khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Cập nhật dẫn chiếu quy định tại Điều lệ này.</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.</p>	<p>4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 140 và Điểm a khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh</p>	<p>5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát</p>	<p>Thống nhất cách ghi số</p> <p>Bổ sung dẫn chiếu luật và sửa đổi phù hợp với khoản 3 Điều 140</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.</p>	<p>không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 đã yêu cầu <u>có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>của Luật Doanh nghiệp.</u> Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 <u>có quyền đại diện Công ty</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</u> Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>7. <u>Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp</u></p>	<p>7. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi theo Điểm d khoản 4 Điều 14 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<u>đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u>		
8. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	8. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	
Điều 13: Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	
Không có	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p>	Bổ sung khoản 1 theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, phù hợp với Điều 138 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ <u>đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</u></p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 15 Phụ lục I</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		ban hành kèm TT116/2020
	a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;	Bổ sung theo Điểm a khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp
a. Báo cáo tài chính hằng năm;	b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;	
b. Báo cáo của Hội đồng quản trị <u>đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;</u>	c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;	Sửa theo Điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp
c. Báo cáo của Ban kiểm soát <u>về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</u>	d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;	Sửa theo Điểm d khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp
Không có	e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;	Sửa theo Điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp
d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;	f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;	Cập nhật TT

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
e. <u>Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u>	Bỏ	Trùng lặp nội dung
2. <u>Đại hội đồng cổ đông Thường niên và Bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:</u>	Bỏ	
a. <u>Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;</u>	Bỏ	Trùng lặp nội dung điểm b Khoản 2 Điều này
b. <u>Phê chuẩn việc phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị một cách trung thực và sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</u>	Bỏ	Trùng lặp nội dung điểm d Khoản 2 Điều này
c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;	g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Sửa theo điểm g khoản 2 Điều 15 Phụ lục I ban hành

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<p>d. <u>Lựa chọn công ty kiểm toán;</u></p>	<p>h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p>	<p>Chỉnh sửa theo điểm m) khoản 1 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>e. <u>Bầu, bãi miễn và thay thế</u> thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p>	<p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p>	<p>Chỉnh sửa theo điểm h) khoản 1 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>f. <u>Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</u></p>	<p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>Chỉnh sửa theo điểm i) khoản 1 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;</p>	<p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p>
<p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành <u>cho</u> mỗi loại cổ phần;</p>	<p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p>	<p>Chỉnh sửa theo điểm m) khoản 1 Điều 15 Phụ lục I</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		ban hành kèm TT116/2020
<p>i. <u>Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập:</u></p>	Bỏ	Trùng nội dung với điểm k Điều này
<p>j. Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p>	<p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p>	<p>Chỉnh sửa theo điểm n) khoản 1 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p>	<p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p>	<p>Cập nhật TT</p>
<p>l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p>	<p>o. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p>	<p>Cập nhật TT</p>
<p>m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn</u> 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p>	<p>p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi năm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	<p>Cập nhật TT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
n. <u>Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;</u>	q. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;	Chỉnh sửa theo điểm q) Khoản 1 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020
Không có	r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;	Chỉnh sửa theo điểm t) khoản 1 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020
Không có	s. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.	Bổ sung phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp
o. <u>Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Giám đốc;</u>	Bỏ	
Không có	t. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;	Bổ sung phù hợp với Điểm a khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Không có	<p>u. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế;</p>	<p>Bổ sung phù hợp với Điểm a khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020.</p>
<p>p. <u>Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; và</u></p>	<p>v. Quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; 	<p>Sửa theo Điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020 và khoản 1 và 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	
Không có	<p>w. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p>	Bổ sung theo Điểm b Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp
q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của công ty ;	x. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của công ty ;	Cập nhật TT
3. Cổ đông không được bỏ phiếu <u>cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:</u>	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong trường hợp thông qua quyết định về các vấn đề sau:	Điều chỉnh cách diễn đạt

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<ul style="list-style-type: none"> - Các hợp đồng quy định tại Điều 13.2 nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc 	a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ
<ul style="list-style-type: none"> - Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc người nào có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.. 	b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.	Điều chỉnh cách diễn đạt
Điều 14: Các Đại diện được ủy quyền	Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi tên Điều mục theo Điều 19 Phụ lục I ban hành kèm theo TT116/2020
1. <u>Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông.</u>	1. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	Chính sửa theo Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Không có	<p>2. Trường hợp cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 14 Luật Doanh nghiệp quy định cho cổ đông công ty là tổ chức</p>
<p>2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và:</p>	<p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản.</p> <p>a. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p> <p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>- Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền hoặc bởi luật sư của người đó; và</p>	<p>b. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó (hoặc bởi luật sư của người đó) và người được ủy quyền dự họp;</p>	<p>Cập nhật TT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>- Trường hợp là công ty thì phải được một luật sư hoặc người được ủy quyền hợp lệ của công ty đó ký và đóng dấu.</p>	<p>c. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền; - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền; - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện; - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền; 	<p>Sửa đổi theo Khoản 4 điều 14 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Trường hợp <u>văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền</u> được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng</p>	<p>Trường hợp văn bản ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn ủy quyền. Nếu điều này không được</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>với đơn chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.</p>	<p>thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.</p>	
<p>Không có</p>	<p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>Bổ dung theo Khoản 2 Điều 16 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty ngay sau khi có quyết định. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông; - Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền; 	<p>4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty ngay sau khi có quyết định. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông; - Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền; 	<p>Cập nhật STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần được uỷ quyền đại diện; - Thời hạn đại diện theo uỷ quyền; - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông. <p>Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần được uỷ quyền đại diện; - Thời hạn đại diện theo uỷ quyền; - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông. <p>Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</p>	
Không có	<p>5. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp uỷ quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản uỷ quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>Bổ dung theo Khoản 2 Điều 16 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>4. <u>Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;</u> - <u>Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc</u> - <u>Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</u> <p>Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 tiếng trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>6. <u>Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> a. <u>Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</u> b. <u>Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</u> c. <u>Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</u> <p>Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p> <p>Cập nhật STT</p> <p>Bỏ thời hạn 24 tiếng do hiện nay Điều lệ mẫu không quy định thời gian này.</p>
<p>Điều 15: Thay đổi các quyền</p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p>	
<p>1. <u>Khi vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó hoặc với</u></p>	<p>1. <u>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi năm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ</u></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>ng nghị quyết được thông qua bởi những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt tại một Cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó.</u></p>	<p>được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
<p>2. <u>Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) nắm giữ ít nhất 75% giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ</u></p>	<p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<u>phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</u>	quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 16 và 17. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi , các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, 18 và 19 Điều lệ này. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	Điều chỉnh cách diễn đạt
Điều 16: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>trừ các trường hợp quy định tại Điều 12.5 hoặc 12.6.</u>	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.	Sửa theo Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.</u></p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm đại hội; và</p> <p>Thông báo cho tất cả các cổ đông về đại hội và gửi thông báo đại hội cho họ.</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với khoản 5 Điều 140, Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử</p> <p>i. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	
<p>3. <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được</u></p>	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 143 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Nếu Công ty có website, thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</u></p>	<p>một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền <u>đề xuất các</u> vấn đề đưa vào chương trình họp</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt theo khoản 2 Điều 142</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất</u> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</u></p>	<p>ng nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Không có</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên; c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết. 	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	
<p>2. <u>Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Lược bỏ do trùng nội dung với Khoản 1,2 Điều này</p>
<p>3. <u>Trường hợp tất cả các Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ do trùng với quy định tại Điều 19 Điều lệ này</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập Biên bản đại hội cổ đông	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
<p>1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</u></p>	Bỏ	Lược bỏ do việc bầu chủ tọa, thư ký, ban kiểm phiếu sẽ được tách thành quy định riêng
<p>2. <u>Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	Bỏ	Lược bỏ do việc bầu chủ tọa, thư ký, ban kiểm phiếu sẽ được tách

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		thành quy định riêng
<p>3. <u>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</u></p>	Bỏ	Lược bỏ do việc bầu chủ tọa, thư ký, ban kiểm phiếu sẽ được tách thành quy định riêng
<p>4. <u>Người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc Đại hội. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được Chủ tọa đại hội và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham</u></p>	Bỏ	Không bắt buộc phải quy định trong Điều lệ

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<u>đự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.</u>		
<p>5. <u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết. Khi Đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều</u></p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>Sửa theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.</u></p>		
<p>Không có</p>	<p>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với khoản 3 Điều 17 Điều lệ này</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Bổ sung theo Điều 19 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>6. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp tham gia đăng ký hết.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với khoản 1 Điều 146 và khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.</u></p>		
<p><u>7.</u> Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho <u>mỗi cổ đông</u> hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành.</u></p>	<p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đó.</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p> <p>Lược bỏ do cách thức biểu quyết/ kiểm phiếu sẽ được tách thành quy định riêng</p> <p>Cập nhật TT</p>
<p><u>8.</u> Không có</p>	<p>b. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung tiến hành với TH họp trực tuyến</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>9. Cổ đông <u>đến dự họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó</u> có quyền tham gia và biểu quyết ngay <u>tại đại hội, nhưng</u> chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội <u>đó</u> để cho <u>họ</u> đăng ký và hiệu lực của <u>các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.</u></p>	<p>c. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền dự họp tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt phù hợp với Khoản 6 Điều 146 Luật DN 2020 Cập nhật TT</p>
<p>Khoản 1,2,3 Điều 17 Điều lệ này</p>	<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 146 Luật DN 2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	
Không có	<p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p>	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 146 Luật DN 2020
Không có	<p>4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;</p>	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 146 Luật DN 2020

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>10. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p>	<p>5. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p>	<p>Lược bỏ cho phù hợp</p>
<p>11. <u>Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự. Chủ tọa có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền muốn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Chủ tọa cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng,</u> Chủ tọa có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi Đại hội.</p>	<p>6. Chủ tọa hoặc Thư ký đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Trong các trường hợp cần thiết, khi xem xét kỹ lưỡng, Chủ tọa có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền</p>	<p>- Điều chỉnh cách diễn đạt phù hợp theo Khoản 4 Điều 146 Luật doanh nghiệp.</p> <p>- Bổ sung, điều chỉnh theo Khoản 7 Điều 146 Luật DN 2020.</p> <p>- Lược bỏ, sửa đổi cho phù hợp.</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi Đại hội.	
<p>12. <u>Không cần lấy ý kiến của đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội cũng có thể trì hoãn một đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</u></p>	<p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 8 Điều 146 Luật DN 2020 Cập nhật STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>13. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại <u>khoản 11 Điều này</u>, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc <u>và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</u></p>	<p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p> <p>Cập nhật dẫn chiếu quy định tại Điều lệ này</p> <p>Cập nhật STT</p>
<p>Không có</p>	<p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 10 Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>Điều 18: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 20. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt Điều mục theo Điều 21 Phụ lục I ban hành kèm theo TT116/2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
<p>Điểm b) Khoản 3 Điều 18</p>	<p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>2. <u>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <p>a. <u>Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</u></p> <p>b. <u>Thông qua định hướng phát triển công ty;</u></p> <p>c. <u>Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</u></p> <p>d. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u></p> <p>e. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</u></p> <p>f. <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u></p> <p>g. <u>Tổ chức lại, giải thể công ty.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Trùng lặp nội dung với Khoản 2 Điều 19 Điều lệ sửa đổi</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>3. <u>Quyết định của</u> Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi <u>có đủ các điều kiện sau đây:</u></p> <p>a. Được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp <u>chấp thuận;</u></p> <p>b. <u>Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</u></p>	<p>3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; trừ trường hợp quy định tại khoản 2,4 Điều này và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi dựa trên Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Lược bỏ do trùng với nội dung tại Khoản 2 Điều này</p>
<p>Không có</p>	<p>4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.</p>	
<p>4. <u>Các quyết định</u> được thông qua <u>tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện</u> 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, <u>nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.</u></p>	<p>5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập hợp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 152 Luật DN 2020</p>
<p>5. <u>Quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự</p>	<p>6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung dựa theo Khoản 5</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.</p>	<p>trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p>Điều 148 Luật DN 2020</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 22 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận theo thủ tục như sau:</p>	<p>1. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận theo thủ tục như sau:</p>	<p>Sửa đổi dựa trên Khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p>	<p>a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp</p>	
<p>b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo</p>	<p>b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung dựa theo Khoản 2 Điều 149 Luật DN 2020 và Khoản 2</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<u>quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ của từng cổ đông tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty;</u>	trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này	Điều 22 Phụ lục I ban hành kèm TT116

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; - Mục đích lấy ý kiến; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân</u>; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện <u>theo uỷ quyền</u> của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; - Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; 	<p>c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích lấy ý kiến; - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt theo Khoản 5 Điều 149 Luật DN 2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>		
<p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p>	<p>2. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p>	<p>Cập nhật STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>8. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở <u>đều</u> không hợp lệ <u>trừ trường hợp cổ đông không gửi phiếu trong phong bì dán kín.</u></p>	<p>3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p>	<p>Chỉnh sửa, bổ sung phương thức cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến theo Khoản 4 Điều 22 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>9. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Cập nhật STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	
b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;	b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;	Điều chỉnh từ ngữ
c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	
d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;	d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;	
e. Các quyết định đã được thông qua;	e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;	Điều chỉnh từ ngữ
f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và của người giám sát kiểm phiếu.	f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và của người giám sát kiểm phiếu.	
Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên	Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 22

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
đời chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	phiếu; liên đời chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	PL I ban hành kèm TT116
10. Biên bản kết quả kiểm phiếu <u>phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày</u> , kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	5. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	Sửa đổi theo khoản 6 điều 149 Luật DN 2020
11. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</u>	Bỏ	Trùng nội dung tại Điều 21 Điều lệ sửa đổi
	Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung theo Điều 23 PL I ban hành kèm TT116
	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	Bổ sung theo khoản 1 điều 150 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường họp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này</p>	<p>Bổ sung theo Điều 24 PL I ban hành kèm TT116/2020</p>
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Không có	<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 1 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có) 	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>h. Các thông tin khác (nếu có).</p>	
<p><u>3. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 5% đến dưới 25% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nếu chiếm từ 25% đến 45% thì họ được đề cử 2 thành viên; nếu từ 45% đến 65% thì họ được đề cử 3 thành viên; và nếu lớn hơn 65% thì họ được đề cử 4 thành viên.</u></p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ từ đủ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 45% đề cử hai (02) ứng viên; từ 45% đến dưới 65% đề cử ba (03) ứng viên; và nếu lớn hơn 65% thì được đề cử bốn (04) ứng viên.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung quy định phù hợp với Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>
	<p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử</p>	<p>Bổ dung phù hợp với Khoản 3 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	
	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	-Bổ sung theo khoản 4 Điều 25 Phụ lục I ban hành kèm theo TT116/2020
Điều 19: Thành phần và Nhiệm kỳ	Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều chỉnh cách diễn đạt
1. Số thành viên của Hội đồng quản trị là 5 người. <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá năm năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u>	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. 2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	Bổ sung nội dung tại Khoản 2 Điều 29 Điều lệ sửa đổi theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 154 Luật Doanh nghiệp Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 phù hợp với Khoản 2 và Khoản 4 Điều 276

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên.</p>	<p>Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>2. <u>Mỗi cổ đông nắm giữ hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Trùng lặp nội dung quy định tại Điều 23 Điều lệ sửa đổi</p>
<p>3. <u>Những cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 5% đến dưới 25% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nếu chiếm từ 25%</u></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Trùng lặp nội dung quy định tại Điều 23 Điều lệ sửa đổi</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>đến 45% thì họ được đề cử 2 thành viên; nếu từ 45% đến 65% thì họ được đề cử 3 thành viên; và nếu lớn hơn 65% thì họ được đề cử 4 thành viên.</u></p>		
<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</u> - <u>Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty;</u> - <u>Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</u> 	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, 	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 155 Luật DN 2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.	
<p>5. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; - Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi; - Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; 	<p>5. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận; - Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi; - Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; 	<p>Bổ sung quy định tại điểm b khoản 4 theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>- Thành viên đó bị miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vì bất kỳ lý do gì.</p>	<p>- Thành viên đó bị miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vì bất kỳ lý do gì.</p>	
<p>6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị được chỉ định để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.</p>	<p>6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị được chỉ định để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.</p>	
<p>7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<p>8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	<p>8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 20: Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Cập nhật STT Điều chỉnh cách diễn đạt
1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. <u>Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</u>	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa theo khoản 1 Điều 153 Luật Doanh nghiệp
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác.	2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác.	
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	
a) Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh <u>và kế hoạch phát triển 5 năm của Công ty, quyết định danh</u>	a) Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;	Bổ sung theo Điểm a Khoản 2 Điều 27 Phụ lục I ban hành kèm

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>mục các dự án đầu tư hàng năm trừ các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p>		TT116/2020/TT-CP
<p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Trái phiếu và các chứng khoán khác;</p>	<p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Trái phiếu và các chứng khoán khác;</p>	
<p>c) Quyết định <u>chào bán cổ phần mới</u> trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p>	<p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p>	<p>Sửa đổi theo Điểm c) Khoản 2 Điều 27 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020//TT-BTC</p>
<p>d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p>	<p>d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p>	
<p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 130</u> của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu luật</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ công ty;</p>	<p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty;</p>	
<p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Tách nội dung Thống nhất cách ghi số Điều chỉnh, sửa đổi theo Điểm h) Khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020, Cập nhật dẫn chiếu luật</p>
<p>h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và cán bộ quản lý; quyết định mức lương và lợi ích khác của <u>những Cổ đó</u>; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền <u>sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác</u>, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;</p>	<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của <u>những người quản lý đó</u>; cử người đại diện theo uỷ quyền <u>tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác</u>, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p>Sửa dựa theo Điểm i Khoản 2 Điều 153 Luật DN 2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;	j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;	
j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	
k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;	k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;	
l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;	l) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;	Điều chỉnh từ ngữ hợp lí
m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
n) Kiến nghị việc tổ chức lại, bổ sung sửa đổi điều lệ, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;	n) Kiến nghị việc tổ chức lại, bổ sung sửa đổi điều lệ, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;	
Không có	<p>p) Quyết định việc chào bán trái phiếu riêng lẻ, bao gồm loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.</p>	Bổ sung theo quy định tại điểm b) Điều 130 Luật DN 2020 và điểm q khoản 2 Điều 27 PL I ban hành kèm theo TT116/2020
o) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;	r) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;	
p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	s) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan , Điều lệ này và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.	Bổ sung hợp lý theo điểm s Khoản 2 Điều 27 PL I ban

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		hành kèm TT116/2020
<p>4. <u>Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.</u></p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Sửa theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 27 Phụ lục I ban hành kèm theo TT116/2020</p>
<p>5. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi Luật pháp và Điều lệ quy định khác.</p>	<p>5. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi Luật pháp và Điều lệ quy định khác.</p>	
<p>Điều 23: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc</p>	<p>Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Tách Điều 23 Điều lệ này thành Điều 26, Khoản 3 Điều 32, Điều ... Điều lệ sửa đổi quy định về Thù lao tiền</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		lương, lợi ích khác của riêng thành viên BKS, HĐQT,
<p>1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p>	<p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p>	<p>Lược bỏ cho phù hợp với Điều này sau khi tách;</p>
<p>2. Tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc được trả theo quy định sau đây:</p> <p>a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Lược bỏ cho phù hợp với Điều này sau khi tách;</p>
<p>b. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Lược bỏ cho phù hợp với Điều này sau khi tách; đã</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên do Trưởng Ban Kiểm soát đề xuất;</p>		<p>quy định tại Điều 40 Điều lệ sửa đổi</p>
<p>3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Lược bỏ cho phù hợp với Điều này sau khi tách;</p>
<p>Không có</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 28 Phụ lục I ban hành kèm theo TT116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Tổng mức chi phí không vượt quá ngân sách hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Tổng mức chi phí không vượt quá ngân sách hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điểm b khoản 2 điều 163 Luật Doanh nghiệp và khoản 5 Điều 28 Phụ lục I ban hành kèm theo TT116/202.?TT-BTC</p>
	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với khoản 6 Điều 28 Phụ lục I ban hành kèm theo TT116/202.?TT-BTC</p>
<p>c. Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Lược bỏ cho phù hợp với Điều này sau khi tách; đã quy định tại Khoản 2,3 Điều 32 Điều lệ sửa đổi</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 21: Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<p>1. <u>Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch.</u> Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc Công ty. <u>Nếu các cổ đông chấp thuận rằng Chủ tịch có thể đồng thời là Giám đốc, quyết định này cần phải được khẳng định lại hàng năm vào cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u></p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không được kiêm chức Giám đốc Công ty.</p>	<p>Chỉnh sửa theo Khoản 1,2 Điều 29 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 29 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>3. Trường hợp Chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền</p>	<p>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền</p>	<p>Sửa dựa theo Khoản 4 Điều 156 Luật DN 2020 và Khoản 5 Điều 29 Phụ lục I ban hành</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>không làm việc được</u> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên <u>tạm thời</u> giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>theo nguyên tắc đa số quá bán</u>.</p>	<p>hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>kèm theo TT116/2020</p>
<p>4. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, Báo cáo về tình hình chung của công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính thường niên, Báo cáo về tình hình chung của công ty, báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Chỉnh sửa cách diễn đạt</p>
<p>5. <u>Khi Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.</u></p>	<p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>Chỉnh sửa cách diễn đạt, bổ sung phù hợp với Khoản 4 Điều 29 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 22: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	
Không có	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị</p>	Bổ sung theo Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
<p>1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 5 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p>	<p>2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p>	<p>Thống nhất cách ghi số Cập nhật STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>2. Các Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; - Hai thành viên Hội đồng quản trị; - Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc; - Đa số thành viên trong Ban Kiểm soát. 	<p>3. Các Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; - Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; - Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc - Ban Kiểm soát. 	<p>Sửa phù hợp với Khoản 3, Khoản 4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp Cập nhật STT</p>
<p>3. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng mười lăm ngày sau khi đề xuất họp. Nếu chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 2 điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày đề nghị họp theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với Khoản 5 Điều 30 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>4. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>5. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với điểm a, khoản 3, điều 157 Luật DN 2020</p>
<p>5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	<p>6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>6. Thông báo và Chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 5 ngày trước khi tổ chức. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p>	<p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết, phiếu bầu của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng</p>	<p>Cập nhật STT</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	
	<p>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	Bổ sung theo Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020
<p>7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có <u>ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền.</u></p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên họp theo quy định, cuộc họp được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>9. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên họp theo quy định, cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 8 Điều 30 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020 Thống nhất cách ghi số Điều chỉnh cách diễn đạt
	10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	Bổ sung theo Khoản 9 Điều 30 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty</p>	
<p>8. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	<p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 11 Điều 30 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020 Cập nhật STT</p>
<p>13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p>	<p>12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p>	<p>Sắp xếp lại một cách hợp lý các Khoản mục Điều chỉnh cách diễn đạt Cập nhật STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. <u>Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại</u>, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.</p> <p>Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>	<p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>	
<p>9. Biểu quyết.</p>	<p>13. Biểu quyết</p>	<p>Cập nhật STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>a. Trừ quy định tại mục 9b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một quyền biểu quyết.</p>	<p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền dự họp với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>
<p>b. Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền bỏ phiếu.</p>	<p>b. Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền bỏ phiếu.</p>	
<p>c. Theo quy định tại Mục 9d điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp</p>	<p>c. Theo quy định tại Điểm d khoản này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu quy định tại Điều lệ sửa đổi</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.	viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.	
d. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	d. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Cập nhật dẫn chiếu luật
10. Tuyên bố lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	14. Tuyên bố lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	Cập nhật STT

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên có mặt. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người có lá phiếu quyết định.</p>	<p>15. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên có mặt. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người có lá phiếu quyết định.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. <u>Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho thư ký không muộn hơn 1 tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.</u></p>	<p>16. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với khoản 10 Điều 157 Luật DN 2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>14. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký <u>bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:</u></p> <p><u>a. Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp hội đồng.</u></p> <p>Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.</p>	<p>17. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị; tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải đảm bảo điều kiện số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp hội đồng tại Khoản 9 Điều này.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký và đảm bảo điều kiện được thông</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với quy định theo Khoản 10 Điều 157 Luật doanh nghiệp và Khoản 12,14 Điều này Điều lệ sửa đổi</p>
<p>15. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn</p>	<p>18. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty</p>	<p>Cập nhật STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.	liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.	
16. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.	19. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.	Thống nhất các ghi số Cập nhật STT
17. Những người được mời họp dự thính: Giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.	20. Những người được mời họp dự thính: Giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba, có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Bổ sung theo Khoản 7 Điều 157 Luật DN 2020

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Không có	Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Tách khoản 18, 19 Điều 22 Điều lệ hiện hành thành Điều 28 Điều lệ sửa đổi theo hướng dẫn tại Điều 31 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<p>18. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng quản trị nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho</p>	<p>1. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng quản trị nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
<p><u>19. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.</u></p>	<p>2. Giá trị pháp lý của hành động: Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 31 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký</p>	<p>Bổ sung theo Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty; h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
<u>VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</u>	VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ	Sửa đổi phù hợp với tên Chương theo Chương VIII Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020
Điều 24: Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	Cập nhật STT
Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và <u>nằm dưới sự</u> lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc và một hoặc một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.	Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và chịu sự giám sát, chỉ đạo lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc và một hoặc một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh cách diễn đạt
Điều 25: Cán bộ quản lý	Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp	Cập nhật STT

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Sửa đổi theo Điều 34 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020
<p>1. Theo đề nghị của Giám đốc và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p>	<p>1. Theo đề nghị của Giám đốc và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p>	Sửa đổi cách diễn đạt
Không có	<p>2. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 34 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020
<p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.</p>	<p>3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Không có	4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Bổ sung theo Khoản 4 Điều 34 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020
Điều 26: Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	Cập nhật STT
1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.	1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.	
	2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được gia.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
2. <u>Giám đốc có nhiệm kỳ là 5 năm</u> và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm lại do Hội đồng Quản trị quyết định.	3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 162 Luật DN 2020

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	không hạn chế. Việc bổ nhiệm lại do Hội đồng Quản trị quyết định.	
<p>3. <u>Giám đốc phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>4. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp</p> <p>b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;</p> <p>c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p>	Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 162 Luật DN 2020
<p>4. Giám đốc công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.</p>	<p>5. Giám đốc công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.</p>	Cập nhật STT
<p>5. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p>	<p>6. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	Cập nhật STT
<p>Không có</p>	<p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p>	Bổ sung theo Điểm a) Khoản 3 Điều 162 Luật DN 2020

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị <u>và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p>	<p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Lược bỏ do trung lập nội dung với Điểm b) Khoản này</p>
<p>b) <u>Thực thi</u> kế hoạch kinh doanh hàng năm và phương án đầu tư do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p>	<p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt phù hợp với luật</p>
<p>c) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày mà không thuộc phạm vi quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	<p>d. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày mà không thuộc phạm vi quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Cập nhật TT</p>
<p>d) Kiến nghị phương án, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p>	<p>e. Kiến nghị phương án, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p>	<p>Cập nhật TT</p>
<p>Không có</p>	<p>f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Tuyển dụng lao động;</p> <p>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p>	<p>Bổ sung theo Điểm đ, g, h khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>e) Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p>	<p>i. Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p>	<p>Cập nhật TT</p>
<p>f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p>	<p>j. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p>	<p>Cập nhật TT</p>
<p>g) Vào ngày 31 tháng 11 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.</p>	<p>k. Vào ngày 31 tháng 11 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.</p>	<p>Cập nhật TT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
h) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;	l. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;	Cập nhật TT
i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo Kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.	m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo Kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.	Cập nhật TT
j) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.	n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.	Điều chỉnh cách diễn đạt
6. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc	7. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và	Điều chỉnh cách diễn đạt do không rõ ý

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.</p>	<p>quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.</p>	
<p>7. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. <u>Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.</u></p>	<p>8. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.</p>	<p>Lược bỏ do nội dung này không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ</p>
<p>Điều 27: Thư ký Công ty</p>	<p>Điều 35. Thư ký Công ty</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Thư ký công ty với nhiệm kỳ và quyền hạn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm Đồng Thư ký công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. <u>Vai trò và nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:</u></p>	<p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Thư ký công ty với nhiệm kỳ và quyền hạn theo quyết định của Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm Đồng Thư ký công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Quyền và nghĩa vụ của thư ký công ty bao gồm:</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 156 Luật DN 2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<ul style="list-style-type: none"> - <u>Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;</u> - <u>Làm biên bản các cuộc họp;</u> - <u>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u> - Cung cấp <u>thông tin</u> cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 	<ul style="list-style-type: none"> a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty. f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 	
X. BAN KIỂM SOÁT	IX. BAN KIỂM SOÁT	Sắp xếp lại Chương X và IX tại Điều lệ này
Điều 32: Bổ nhiệm Ban kiểm soát	Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	Sửa đổi theo Điều 36 PL I ban hành kèm TT116/2020

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>14. Mỗi cổ đông nắm giữ hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát.</p> <p>15. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Ban Kiểm soát. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 5% đến dưới 25% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Ban Kiểm soát; nếu chiếm từ 25% đến 45% thì họ được đề cử 2 thành viên; nếu từ 45% đến 65% thì họ được đề cử 3 thành viên; và nếu lớn hơn 65% thì họ được đề cử 4 thành viên.</p>	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ từ đủ 10% đến dưới 25% thì được đề cử 01 ứng viên; từ 25% đến dưới 45% được đề cử 02 ứng viên; từ 45% đến dưới 65% được đề cử 03 ứng viên; lớn hơn 65% được đề cử 04 ứng viên.</p>	<p>Ghi nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 115 LDN.</p> <p>Điều chỉnh tỷ lệ nắm giữ để đề cử ứng viên BKS từ 5% lên 10%</p>
<p>Không có</p>	<p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 36 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	
Không có	Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	Bổ sung theo Điều 37 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020
<p><u>17. Ban Kiểm soát có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu với nhiệm kỳ không quá 5 năm.</u> Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam <u>và Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty,</u> trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn. Việc bầu cử thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại <u>Điều 144</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>1. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn. Việc bầu cử thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 37 Phụ lục I ban hành kèm TT116</p> <p>Cập nhật dẫn chiếu luật</p>
<p><u>16. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát</u></p> <p><u>- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</u></p>	<p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</u></p> <p><u>- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</u></p> <p><u>Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty;</u></p>	<p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	
<p>21. Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn</p>	<p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Có đơn từ chức bằng một văn bản được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 147 Luật DN 2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;</u></p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 6 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.</p> <p>e. Thành viên đó bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông vì bất kỳ lý do gì.</p>	<p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	
Không có	Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	Bổ sung theo Điều 38 Phụ lục ban hành kèm TT116/2020
<p>18. Ban Kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát; và</p>	<p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 168 Luật DN 2020;</p> <p>Sửa, bổ sung theo Khoản 2 Điều 38 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Không có</p>	<p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p>	<p>Bổ sung theo Điều 39 PL I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và thành viên của Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 163 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p>	<p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p>	<p>Chỉnh sửa dẫn chiếu luật</p>
	<p>a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 1 Điều 288</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;	NĐ 155/2020/NĐ-CP
2. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.	b. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.	Cập nhật TT
	c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 288 NĐ 155/2020/NĐ-CP
	d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;	Cập nhật TT
	e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;	Cập nhật TT
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	f. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	Cập nhật TT

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>4. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.</p>	<p>g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Cập nhật TT</p>
<p>5. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>h. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Cập nhật TT</p>
<p>6. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10.</p>	<p>i. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11.</p>	<p>Cập nhật TT Cập nhật dẫn chiếu quy định tại Điều lệ này</p>
<p>7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu</p>	<p>j. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu</p>	<p>Cập nhật TT Cập nhật dẫn chiếu quy định tại Điều lệ này</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	
8. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.	k. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.	Cập nhật TT
9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.	l. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.	Cập nhật TT
10. <u>Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp</u> thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	m. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ , yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 39 PL I ban hành kèm theo TT 116/2020
11. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	n. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật TT

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>12. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Công ty thanh toán chi phí cho tư vấn độc lập theo đề nghị của Ban Kiểm soát.</p>	<p>o. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Công ty thanh toán chi phí cho tư vấn độc lập theo đề nghị của Ban Kiểm soát.</p>	<p>Cập nhật TT</p>
<p>13. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>p. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Cập nhật TT</p>
<p>19. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:</p>	<p>2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
<p>b. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>b. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>c. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.</p>	<p>c. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.</p>	
<p>d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.</p>	<p>d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.</p>	
<p>20. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người;</p>	<p>3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát nhưng không được họp ít hơn hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là hai (02) người;</p>	<p>Cập nhật STT Thống nhất cách ghi số</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất</p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại Điều 40 Phụ lục I</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	<p>ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
Không có	<p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 172 Luật Doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	
<p>IX. <u>NHIỆM VỤ ĐƯỢC UỶ THÁC</u> CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ <u>CÁN BỘ QUẢN LÝ</u></p>	<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Chương X phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>Điều 28: Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm căn trọng</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	
Điều 29: Công khai các lợi ích liên quan	Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan	Cập nhật STT
1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm	
a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;	
b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.	b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p>	<p>2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p>	
<p>3. Việc kê khai quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;</p>	<p>3. Việc kê khai quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;</p>	<p>Thống nhất cách ghi số</p>
<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.		
Điều 30: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Cập nhật STT
	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	Bổ sung theo khoản 1 Điều 291 NBĐ 155/2020/NĐ-CP
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý <u>không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty;</u> đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.	Bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 47 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020 Cập nhật STT
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân	3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên	Cập nhật STT

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p>	<p>năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	
<p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	<p>4. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	
<p>4. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p>	<p>5. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch với Tổng Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn và các công ty con của Tổng Công ty Bia Rượu NGK</p>	<p>- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch với Tổng Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn và các công ty con của Tổng Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ này;</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu quy định tại Điều lệ sửa đổi</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Sài Gòn thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ này;		
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;	- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;	
- Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 159 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.	- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp	
5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	6. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	Cập nhật STT
6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Hội đồng quản trị	7. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng	Thống nhất cách ghi số Cập nhật STT

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p>	<p>hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p>	
<p>7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại <u>khoản 5 và khoản 6</u> Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	<p>8. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu quy định tại Điều lệ này</p>
<p>8. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi</p>	<p>9. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng</p>	<p>Cập nhật STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.	đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.	
Không có	10. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Bổ sung theo Khoản 4 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ- CP
Điều 31: Trách nhiệm và bồi thường	Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều chỉnh cách diễn đạt
1. Trách nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	1. Trách nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	Điều chỉnh cách diễn đạt phù hợp
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hình sự, hành chính (mà không phải là việc	2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hình sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của	Điều chỉnh cách diễn đạt

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng</p>	<p>công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>		
<p>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	<p>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	
<p>Điều 33: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 10 đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách các cổ đông, các biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 10 đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách các cổ đông, các biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
quyền kiểm tra sổ cổ phiếu của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	cổ phiếu của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký Kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký Kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	
4. Mọi cổ đông đều có quyền được xem, sao chép, trích lục Điều lệ công ty tại trụ sở chính của Công ty. Nếu công ty có một website, Điều lệ này phải được đưa lên website đó.	4. Mọi cổ đông đều có quyền được xem, sao chép, trích lục Điều lệ công ty tại trụ sở chính của Công ty. Nếu công ty có một website, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.	Điều chỉnh cách diễn đạt
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI	XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 34: Công nhân viên và Công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội	Điều 47. Công nhân viên và Công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội	Cập nhật STT
<p>1. Giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.</p>	<p>1. Giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.</p>	
<p>2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó.</p>	<p>2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó.</p>	
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	
Điều 35: Cổ tức	Điều 48. Phân phối lợi nhuận	Cập nhật STT
<p>1. <u>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án phân phối lợi nhuận và mức chi trả cổ tức, hình</p>	Điều chỉnh cách diễn đạt

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>lợi nhuận giữ lại của Công ty</u> nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>2. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p>	
<p>3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.</p>	<p>3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.</p>	
<p>4. Công ty sẽ không trả lãi cho <u>bất cứ một</u> khoản cổ tức hay khoản tiền <u>nào khác có thể được</u> chi trả liên quan tới một cổ phiếu.</p>	<p>4. Công ty sẽ không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một cổ phiếu.</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p>
<p>5. Hội đồng quản trị có thể <u>đề nghị</u> Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ <u>hoặc từng phần cổ tức bằng những tài</u></p>	<p>5. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 4 Điều 51</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành)</u> và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.</p>	<p>phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p>	<p>Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam <u>và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông.</u> Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp <u>thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào</u></p>	<p>6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt Lược bỏ, sửa đổi dựa theo Khoản 4 Điều 51 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p><u>được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được.</u> Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu <u>niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán</u> có thể được tiến hành thông qua Công ty Chứng khoán hoặc <u>Trung tâm Lưu ký.</u></p>		
<p>7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phiếu phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.</p>	<p>7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phiếu phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.</p>	
<p>8. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (<u>ngày khoá sổ</u>) làm <u>ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của công ty</u> mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận <u>cổ tức</u>, lãi suất, phân chia lợi nhuận, <u>nhận cổ</u></p>	<p>8. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (Ngày chốt danh sách cổ đông) để chốt danh sách cổ đông mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức tiền mặt hoặc cổ phiếu, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày chốt danh sách cổ</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 51 Phụ lục I ban hành kèm TT116/2020</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>	<p>đông này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>	
<p>Không có</p>	<p>9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 6 Điều 51 PL I ban hành kèm TT116/2020</p>
<p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p>	<p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p>	
<p>Điều 36: Tài khoản ngân hàng</p>	<p>Điều 49. Tài khoản ngân hàng</p>	<p>Cập nhật STT</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hoặc một số Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2. Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. 3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hoặc một số Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2. Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. 3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. 	
<p>Điều 37: Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các loại Quỹ khác</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% Vốn Điều lệ của Công ty.</u> 2. <u>Công ty có thể trích lập các loại Quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u> 	Bỏ	Không có quy định bắt buộc về Quỹ Dự trữ bổ sung.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 38: Năm tài chính	Điều 50. Năm tài chính	Cập nhật STT
<p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm. <u>Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.</u></p>	<p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm.</p>	<p>Lược bỏ do không cần thiết.</p>
Điều 39: Hệ thống kế toán	Điều 51. Chế độ kế toán	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt theo quy định hiện hành</p> <p>Cập nhật STT</p>
<p>1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>	<p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>	
<p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p>	<p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	Bổ dung phù hợp Khoản 3 Điều 54 PL I ban hành kèm TT116/2020
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	
Điều 40: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	Điều 52. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	Cập nhật STT
1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, và cơ quan đăng ký kinh doanh.	1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, và cơ quan đăng ký kinh doanh.	Cập nhật dẫn chiếu quy định tại Điều lệ này
2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế	2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách	Chỉnh sửa phù hợp với quy định hiện hành.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Nếu Công ty là một công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.	quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính . Nếu Công ty là một công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.	
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của pháp luật (nếu có).	3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của pháp luật (nếu có).	
4. <u>Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các Cổ đông, nếu công ty có một trang web trên mạng thì các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải <u>được đưa lên trang web</u>.</u>	4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được đăng tải trên website của Công ty.	Chính sửa phù hợp với thực tế
5. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở	5. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
6. Quy định về việc trình báo cáo hàng năm:	6. Quy định về việc trình báo cáo hàng năm:	
<p>7. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty; - Báo cáo tài chính; - Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty. 	<p>7. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty; - Báo cáo tài chính; - Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty. 	
<p>8. Đối với công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần đã phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.</p>	<p>8. Đối với công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần đã phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.</p>	
<p>9. Các báo cáo và tài liệu quy định tại điểm a khoản 6 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.</p>	<p>9. Các báo cáo và tài liệu quy định tại điểm a khoản 6 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
10. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.	10. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.	
11. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.	11. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.	
Điều 41: Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng	Điều 53. Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng	Cập nhật STT
Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Phòng đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác.	Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Phòng đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác.	
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	
Điều 42: Kiểm toán	Điều 54. Kiểm toán	Cập nhật STT

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>1. Theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ được kiểm toán. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ được kiểm toán. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p>	
<p>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.</p>	<p>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.</p>	
<p>3. Công ty kiểm toán độc lập của Công ty kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng (2) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.</p>	<p>3. Công ty kiểm toán độc lập của Công ty kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng (02) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.</p>	
<p>4. Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p>	<p>4. Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	
<p>XVII. CON DẤU</p>	<p>XVII. CON DẤU</p>	
<p>Điều 43: Con dấu</p>	<p>Điều 55. Con dấu</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>1. Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên doanh nghiệp; b. Mã số doanh nghiệp. 	<p>1. Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên doanh nghiệp; b. Mã số doanh nghiệp. 	
<p>2. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ này.</p>	<p>2. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ này.</p>	
<p>3. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.</p>	<p>3. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
4. Giám đốc sẽ phải giữ gìn con dấu và con dấu sẽ không được sử dụng nếu không có sự cho phép của Giám đốc.	4. Giám đốc sẽ phải giữ gìn con dấu và con dấu sẽ không được sử dụng nếu không có sự cho phép của Giám đốc.	
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	
Điều 44: Chấm dứt hoạt động	Điều 56. Chấm dứt hoạt động	Cập nhật STT
<p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản của theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b. Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội Cổ đông hoặc qua uỷ quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty;</p> <p>Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p>	<p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản của theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội Cổ đông hoặc qua uỷ quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty;</p> <p>d.Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p>	<p>Bổ sung theo Điểm a Khoản 1 Điều 59 Phụ lục I ban hành kèm TT116</p> <p>Cập nhật TT</p>
2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty trước thời hạn đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Hội đồng quản trị tuân theo và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có	2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty trước thời hạn đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Hội đồng quản trị tuân theo và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.	của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.	
Điều 45: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông	Bỏ	Đã đề cập tại điều 59 Điều lệ sửa đổi
<p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động. - Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị. - Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông. 		

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Không có	<p>Điều 58. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>	Bổ sung theo Điều 60 Phụ lục I ban hành kèm TT116
Điều 46: Thanh lý	Điều 59. Thanh lý	Cập nhật STT
<p>1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến Thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p>	<p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p>	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 61 Phụ lục I ban hành kèm TT116

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p>	<p>2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p>	
<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Các chi phí thanh lý; b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; c. Thuế và các chi phí nhập khẩu có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước Việt Nam; d. Các khoản vay (nếu có); e. Các khoản nợ khác của Công ty; f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán. 	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Các chi phí thanh lý; b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; c. Thuế và các chi phí nhập khẩu có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước Việt Nam; d. Các khoản vay (nếu có); e. Các khoản nợ khác của Công ty; f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán. 	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
Điều 47: Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Cập nhật STT
<p>1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p>	<p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p>	Điều chỉnh cách diễn đạt
<p>- Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc</p>	<p>a. Cổ đông với Công ty;</p>	Điều chỉnh cách diễn đạt
<p>- Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay Cán bộ quản lý.</p>	<p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;</p>	Điều chỉnh cách diễn đạt
<p>thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định</p>	<p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập</p>	Thống nhất cách ghi số

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.	làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.	
2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án.	2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án.	Thống nhất cách ghi số
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. <u>Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.</u>	3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.	Điều chỉnh cách diễn đạt
XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	
Điều 48: Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ	Điều 61. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ	Cập nhật STT
1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.	1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.	
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định	2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.	pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.	
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	XXI. NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 49: Ngày Hiệu lực	Điều 62. Ngày Hiệu lực	Cập nhật STT
1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 49 điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh nhất trí thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2016 tại Nghệ An và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của điều lệ này.	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 62 điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 tại Nghệ An và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của điều lệ này.	Cập nhật thông tin thực tế
2. <u>Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</u> <ul style="list-style-type: none"> - <u>01 bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước theo quy định pháp luật;</u> - <u>05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định;</u> - <u>04 bản lưu trữ tại văn phòng Công ty.</u> 	2. Điều lệ này được lập thành bốn (04) bản có giá trị như nhau và được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.	3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty	
4. Điều lệ có hiệu lực thi hành khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và Chủ tịch hội đồng quản trị ký ban hành. Các bản sao hoặc trích lục	4. Điều lệ có hiệu lực thi hành khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và Chủ tịch hội đồng quản trị ký ban hành. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.	ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.	